

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH

# VĂN CHƯƠNG MỸ LA TINH

PHẠM QUANG TRUNG

2002

## MỤC LỤC

|                                                                                    |    |
|------------------------------------------------------------------------------------|----|
| MỤC LỤC .....                                                                      | 2  |
| MỞ ĐẦU .....                                                                       | 3  |
| PHẦN I: KHÁI QUÁT VĂN CHƯƠNG MỸ LATINH.....                                        | 4  |
| I/ Văn chương Mỹ Latinh – một số vấn đề chung .....                                | 4  |
| 1- Khái niệm “Văn chương Mỹ Latinh” .....                                          | 4  |
| 2. Vấn đề giao lưu giữa văn chương Mỹ Latinh với văn chương Tây Âu-Bắc Mỹ... 6     |    |
| 3- Vấn đề phân chia giai đoạn văn chương .....                                     | 8  |
| II/ Lược sử văn chương Mỹ Latinh.....                                              | 9  |
| A/ Văn chương Mỹ Latinh trước thế kỷ XV .....                                      | 9  |
| B/ Văn chương Mỹ Latinh sau thời kỳ Còlông .....                                   | 11 |
| 1.Giai đoạn lệ thuộc .....                                                         | 11 |
| 2. Giai đoạn quốc tế hóa văn chương .....                                          | 13 |
| a. Chủ nghĩa lãng mạn.....                                                         | 14 |
| b. Chủ nghĩa hiện thực.....                                                        | 17 |
| 3. Giai đoạn trưởng thành và phát đạt .....                                        | 20 |
| PHẦN II:MỘT SỐ TRỌNG ĐIỂM TIÊU BIỂU TRONG GIAI                                     |    |
| ĐOẠN TRƯỞNG THÀNH VÀ PHÁT ĐẠT .....                                                | 24 |
| I. Thơ ca: .....                                                                   | 24 |
| NICOLAX GUILLEN.....                                                               | 26 |
| 1. Đôi nét về cuộc đời .....                                                       | 26 |
| 2. Đôi nét về đường thơ.....                                                       | 28 |
| PABLO NÉRUDA .....                                                                 | 38 |
| 1. Vài nét về cuộc đời Néruda .....                                                | 39 |
| 2. Sự nghiệp thi ca .....                                                          | 40 |
| a – Bước chuyển biến trong thơ Néruda .....                                        | 40 |
| b – Thơ Néruda với Chilê và Mỹ Latinh .....                                        | 48 |
| c – Thơ tình Néruda .....                                                          | 51 |
| II. Về chủ nghĩa hiện thực huyền ảo.....                                           | 55 |
| 1. Đôi nét về lịch sử chủ nghĩa hiện thực huyền ảo.....                            | 58 |
| 2. Quá trình tìm tòi, khẳng định của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo.....             | 61 |
| 3. Thế nào là “chủ nghĩa hiện thực huyền ảo”?.....                                 | 62 |
| 4. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo là chủ nghĩa hiện thực mang màu sắc Mỹ Latinh..... | 65 |
| 5. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo là bước phát triển mới của chủ nghĩa hiện thực..   | 67 |
| Kết luận .....                                                                     | 69 |

## MỞ ĐẦU

Ta nghe nói nhiều đến châu Mỹ Latinh (chính trị, nghệ thuật, thể thao, sự giàu có...), lại chưa có điều kiện học văn chương Mỹ Latinh. Đây là một truyền thống văn chương lớn, đặc sắc đứng cạnh các truyền thống văn chương Nga, Anh, Pháp, Trung Quốc, Bắc Mỹ...

Giải Nobel văn chương năm 1990 dành cho một nhà thơ Mêhicô là Octavio Paz ,vì “những tác phẩm chứa đầy nhiệt tình về những chân trời rộng lớn với một sự thông minh sắc sảo và bản tính đầy nhân đạo”. Khi nhận giải, O. Paz cho rằng, Giải thưởng này trước hết dành cho văn chương Mỹ Latinh mà ông chỉ là người đại diện ,bởi theo nhà thơ thì: “Nhà văn không phải là một con người tách biệt mà là thành viên của một cộng đồng, của một truyền thống văn học”.

## **PHẦN I: KHÁI QUÁT VĂN CHƯƠNG MỸ LATINH**

### **I/ Văn chương Mỹ Latinh – một số vấn đề chung**

Bước sang thế kỷ thứ 15, giai cấp thống trị ở phương Tây ăn chơi xa xỉ, mơ tới phương Đông xa xôi giàu có, đầy vàng bạc và hương liệu quý. Theo sự mô tả của các nhà du lịch thời ấy thì ở phương Đông mái nhà lợp bằng vàng, còn cột thì bằng bạc. Như nhiều nước khác ở phương Tây, người Tây Ban Nha đã tìm đường sang phương Đông.

C.Côlông là nhà hàng hải Italia, phục vụ cho vương triều Tây Ban Nha. Ông được vua Phecnandô và nữ hoàng Idabenla giao nhiệm vụ vượt đại dương sang Ấn Độ. Ngày 8/8/1492, ông cùng chín mươi thủy thủ trên ba chiếc tàu khởi hành. Ngày 12/10 năm ấy, đoàn thám hiểm tới đảo Cuba và Haiti, họ tưởng nhầm là Nhật Bản. Sau tàu bị vỡ, ông phải quay trở về. Từ 1493 đến 1503, C.Côlông còn thực hiện ba chuyến nữa. Ông tiến đến bộ phận phía đông của lục địa mới lại lầm tưởng là Ấn Độ. (Ông gọi người da đỏ là Indiô – người Ấn Độ). Vì không sớm vào sâu lục địa, không tìm được nhiều của quý, nên ông bị triều đình Tây Ban Nha bỏ rơi. Năm 1506, ông chết trong nghèo túng và bị lãng quên.

Sau C.Côlông, người đồng hương của ông, nhà hàng hải Italia Amêrigô Vêxpuxi phục vụ cho các vương triều Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, đến lục địa này năm 1499. Ông ta cả quyết đây không phải là Ấn Độ mà là một lục địa mới hoàn toàn. Năm 1515, ông lập xong bản đồ của lục địa mới. Người châu Âu lấy tên ông đặt cho lục địa này: Amêrigô, sau đổi thành Amêrica cho thống nhất cách gọi chung với các lục địa khác. Đó là lý do vì sao châu lục mới đã không mang tên người phát hiện đầu tiên ra nó. Từ đó cả thế giới biết đến một vùng đất mới lạ, bí ẩn, đầy sức quyến rũ.

#### ***1- Khái niệm “Văn chương Mỹ Latinh”***

Khái niệm “Văn chương Mỹ Latinh” là để chỉ văn chương của 22 nước gồm:

- Trung Mỹ: Mêhicô, Goatêmala, Ôndurát, En Sanvađo, Nicaragoa, Côxta Rica, Panama, Cuba, Haiti, Đôminica, Poocô Ricô, Giamaica.

- Nam Mỹ: Côlômbia, Vênezuela, Êcuado, Pêru, Bôlivia, Chilê, Achentina, Paragoay, Urugoay, Braxin.

Ta cần vừa thấy được tính đa dạng lại vừa thấy sự đồng nhất sâu sắc của Mỹ Latinh. Đa dạng về hoàn cảnh tự nhiên, kinh tế, xã hội, tiếng nói...; đồng nhất về lịch sử hình thành và phát triển chung, như điều kiện kinh tế, xã hội, tiếng nói (phổ biến là tiếng Tây Ban Nha), văn hóa...

Nhà văn Còlômbia G.G.Marquez lưu ý: “Tôi không nghĩ rằng người ta có thể nói đến một nền văn hoá Mỹ Latinh thật sự đồng nhất. Chẳng hạn, ở Trung Mỹ, ở vùng Caribê, ảnh hưởng rất đậm đà của châu Phi dẫn đến một nền văn hoá khác với các nước có đông dân Anh diêng như Mêhicô hoặc Pêru. Nhiều nước khác ở Mỹ Latinh cũng vậy. Ở Nam Mỹ, văn hoá Vênêduyêla hay văn hoá Còlômbia gần gũi vùng Caribê hơn là với những cao nguyên Andes, mặc dù hai nước này đều có dân Anh diêng. Ở Pêru và Êcuado, có sự dị biệt giữa miền duyên hải với miền núi. Tình trạng ấy là chung cho cả lục địa.” Ông đồng thời nhấn mạnh: “Trong thời gian đi thăm châu Phi, tôi đã nhận thấy nhiều nét giống nhau giữa một số biểu hiện nghệ thuật dân gian của châu Phi và của nhiều nước vùng Caribê... Như tôi đã nói, văn hoá Mỹ Latinh là tổng hợp của nhiều nền văn hoá trộn lẫn với nhau và được lan truyền trên toàn lục địa. Văn hoá phương Tây, ảnh hưởng của châu Phi và một số yếu tố của phương Đông đã bổ sung cho các nền văn hoá bản địa tiền Còlông” (theo báo Văn nghệ, Số 35, ngày 28/8/1999).

Cần nhấn mạnh tới tính tương đồng này. Những đường biên giới phân chia các nước châu Mỹ Latinh không làm mất đi bản sắc chung làm nền tảng cho mọi mặt của đời sống, nhất là đời sống văn hóa, văn chương ở vùng đất này. Như vậy, sự cùng tồn tại của các nền văn hóa khác nhau ở Mỹ Latinh dẫn đến một sự tổng hợp vừa phong phú vừa độc đáo, làm nên bản sắc của châu Mỹ Latinh so với các nền văn hóa khác trên thế giới. Trong cuốn sách “Sự sáng tạo của châu Mỹ Latinh”, nhà văn lão thành người Vênêduyêla – Uxla Piêtri, một trong những nhà văn hàng đầu của nền tiểu thuyết viết bằng tiếng Tây Ban Nha ở nửa sau thế kỷ XX, đã tập trung phân tích làm nổi bật sự hòa trộn huyết thống, lối sống, văn hóa của ba chủng tộc da trắng, da đỏ và da đen. Suốt từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVII, có hơn một triệu người Tây Ban Nha rời bỏ quê hương bản quán theo bước chân của đại đô đốc C.Còlông đến châu Mỹ để tìm châu báu và vận mệnh mới. Họ mang tới đây tiếng Tây Ban Nha, văn hóa và văn chương nghệ thuật tiên tiến của Tây Ban Nha, trong đó nổi bật là cây đàn ghita cùng các làn điệu dân ca và nghệ thuật đấu bò. Trong khi đó tại đây, có khoảng từ 20 đến 25 triệu người thổ dân Anh diêng như người Aztêca, Inca... đã cư ngụ trong một nền văn minh rực rỡ với những cung điện, thành trì, kim tự tháp... Sau đó, có khoảng 9 triệu người da đen Phi châu thuộc nhiều bộ tộc và nhiều ngôn ngữ khác nhau được mang đến châu Mỹ như những người nô lệ làm việc trong các đồn điền và bến cảng. Dĩ nhiên, họ mang theo mình lối sống, văn hóa dân gian gồm vũ khúc, khúc ca, các dụng cụ âm nhạc nhất là bộ gõ của châu lục đen. Kết quả của lịch sử nói trên đã tạo ra người “mulatô” (lai da trắng và da đen) và người “chulô” (lai da trắng với da đỏ). Vì lẽ đó, nhà văn Uxla Piêtri đã cho rằng cuộc chinh phục châu Mỹ là một sự sáng tạo ra “châu Mỹ lai”, một hành động văn hóa lớn có tính tự nguyện. Theo cách suy nghĩ này, ông đã lên án một vị chỉ huy quân đội Tây Ban Nha chinh phục vương quốc Mada (ngày nay là Mêhicô) như sau: “Tiêu chuẩn đầu tiên để đánh giá một nhà chinh phục là người ấy có trân trọng văn hóa bản địa hay không. Khi phá huỷ

hoàn toàn các hình ảnh nghi lễ của người Mada, Héc năng Cooctết đã vi phạm thô bạo nguyên tắc trên”.

Tính dân tộc Mỹ Latinh đó chính là cơ sở của văn chương Mỹ Latinh. Đã tồn tại một số quan niệm sơ lược, thiếu tính khoa học coi trọng đề tài hoặc vừa tác giả vừa đề tài trong việc xác định bản chất văn chương Mỹ Latinh. Ý thức hệ dân tộc phải là quyết định. Nói như José Martí: “Không thể có văn học Mỹ Latinh một khi Mỹ Latinh chưa được định hình”. Câu nói này có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng.

Như vậy, đã dần dần hình thành dân tộc tính trên cơ sở kết hợp ý thức hệ của giai cấp thống trị bóc lột da trắng với ý thức hệ của các tầng lớp nô lệ da đen, và cả người Iudiô (Anh diêng – Da đỏ). Ví như: Gônđaga (1744 – 1810) - nhà thơ, nhà hoạt động xã hội Braxin. Ông sinh ở Bồ Đào Nha, lớn lên ở thành phố Baya (Braxin), nơi cha ông giữ một chức vụ trong tòa án thuộc địa. Sau khi tốt nghiệp khoa Luật ở Bồ Đào Nha, ông làm việc nhiều năm ở chính quốc. Trở về Braxin năm 1782, ông tham gia phong trào đấu tranh lật đổ ánh thống trị Bồ Đào Nha, xây dựng nhà nước cộng hòa Braxin. Rồi ông bị phát giác, bị bắt cùng những người tham gia hội kín (1789), cuối cùng bị kết án tử hình. Sau ông được ân giảm đầy đi Môđambích và mất ở đấy.

Yếu tố cắt đứt mối ràng buộc giữa Mỹ Latinh với” mẫu quốc” là cơ sở kinh tế, xã hội đã dẫn đến các cuộc cách mạng, mở đầu ở Vênêxuêla 1810 do Simôn Bôlivan lãnh đạo và kết thúc là cuộc Đại nội chiến 1868 ở Cuba do Caclôt Cespedes làm thủ lĩnh. Đó là thời kỳ giành độc lập, tự do, bình đẳng và tự quyết của hầu hết các dân tộc sống trên giải đất này và tính dân tộc đã chính thức được khẳng định.

## ***2. Vấn đề giao lưu giữa văn chương Mỹ Latinh với văn chương Tây Âu-Bắc Mỹ***

Ảnh hưởng của văn chương Tây Âu và Bắc Mỹ tới Mỹ Latinh là rõ rệt và sâu sắc. Hầu hết các trường phái văn chương ở Tây Âu và Bắc Mỹ đã tràn sang và thay nhau ngự trị trên văn đàn châu Mỹ Latinh. Như về văn chương, Gônđaga tham gia phái Thi sơn với biệt danh Đirxêi. Tác phẩm Đirxêi de Marilia I (1792) là những sáng tác trong thời gian theo đuổi Marilia, là trong những trang nhật ký thơ về đời sống tình cảm thật của ông. Tác giả ca ngợi cảnh điền viên, tình cảm thủy chung và sâu sắc, cuộc sống điều độ và lương tâm yên tĩnh. Ông rõ ràng gần gũi với các nhà thơ tình cảm chủ nghĩa về lý tưởng thi ca. Đirxêi de Marila II (1799) chủ yếu sáng tác lúc ông bị cầm tù, bộc lộ tình yêu nước sâu sắc của ông. Âm hưởng u uất. Ông tiếp thu truyền thống của các thể mục ca trữ tình. Vì vậy, ông được xem là ông tổ của chủ nghĩa lãng mạn ở Braxin. Vậy là thơ Gônđaga hòa hợp những nét của chủ nghĩa cổ điển, mỹ học thi sơn, chủ nghĩa tình cảm, chủ nghĩa lãng mạn...

Nhà thơ và nhà triết học kiệt xuất Mêhicô Aliphôncô Reiêx đã nhận xét rất chí lý như sau: “Khi bước đến bữa tiệc của văn minh châu Âu một cách muộn màng, châu Mỹ đã phát triển với nhịp độ nhanh chóng, vượt qua các giai đoạn lịch sử, không chỉ bước qua mà là nhảy qua từ hình thức này đến hình thức khác khi không cho chúng đủ thời gian để chín muồi một cách đầy đủ” (chuyển dẫn).

Cần thấy, đây là tác động qua lại, ảnh hưởng hai chiều, như ảnh hưởng của “phong trào Môđéc” do José Martí khởi xướng mà đại diện tiêu biểu là Ruben Dario tới văn chương Tây Ban Nha hồi cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, trong đó có cả những nhà thơ tên tuổi của Tây Ban Nha như Unamuno và Rimine. Điều này chứng tỏ vẻ độc đáo của nó. Trong cuốn “Nhà văn bàn về nghề văn”, Marquez nhận xét: “Những người Châu Âu rất đáng phục về sự chiêm nghiệm những thành tựu văn hóa của mình, nhưng không biết tìm một phương pháp khả dĩ có thể lý giải được cuộc sống chúng tôi! Có thể hiểu được sự kiên trì của họ, nhưng họ lại quên mất rằng những thứ trở trêu của cuộc đời đã không để cho mọi thứ đều như nhau, và những tìm tòi con đường riêng của chúng tôi cũng không ít kiên trì và đổ máu hơn những tìm tòi của họ” (tr.125).

Về Ruben Dario (người Nicaragua sinh 1867 mất 1916) đã có cuộc tranh luận kéo dài suốt từ đầu thế kỷ 20 đến nay xoay quanh vai trò của nhà thơ lớn này và “chủ nghĩa Môđéc”. Mùa xuân 1913, tại Buenos Aires, Lorca và Néruda đã trao đổi với nhau về Dario.

*L: Chúng ta sẽ gọi ông là nhà thơ của châu Mỹ và của Tây Ban Nha. Ruben...*

*N: Dario. Bởi vì, thưa các bà !*

*L: và thưa các ông !*

Rồi họ cùng kết thúc:

*L: Pablo Néruda – người Chilê và tôi, người Tây Ban Nha, chúng tôi thống nhất rằng Ruben Dario là nhà thơ lớn của Nicaragua, của Achentina, của Chilê và của Tây Ban Nha.*

Và cả hai nhà thơ cuối cùng nói to: “*Vì vinh quang của chúng ta hãy nâng cốc chúc mừng Người*”.

Clara Sanchez (người Tây Ban Nha) viết: “Người Mêhicô thường nói về “3 nhân vật vĩ đại” của họ là Ôrôxcô, Xikâyrot và Rivêra (3 họa sỹ lớn của Mêhicô trong thời kỳ này). Chúng tôi, người dân Tây Ban Nha, chúng tôi cũng hay nói về “3 nhân vật vĩ đại”, tức “ba Pablo” của mình. Đó là, P. Kadal (nghệ sĩ biểu diễn Violonxen), P. Picaso và P. Néruda. Ngược lại, nhà nghiên cứu văn chương đồng thời là nhà thơ Rêtamara (người Cuba) viết: “Dĩ nhiên là những bậc thầy văn chương



Tây Ban Nha này là của chúng ta. Nhưng cũng chính từ lý do ấy, văn hóa châu Phi cũng là truyền thống văn hóa của chúng ta. Ngay cả những người Anh điêng từng bị diệt chủng rồi cũng thuộc về văn hóa của chúng ta”.

Cũng nên lưu ý không được đồng nhất hóa một cách sai lầm về vai trò và triển vọng của các trào lưu nghệ thuật đã có ở hai châu lục. Vì sao vậy? Vì những điều kiện mới: sang đất mới khi ở nơi phát sinh chúng hoặc đang tàn tạ hoặc đang hấp hối. Không lạ là một vài khuynh hướng vốn không đội trời chung ở châu Âu sang đây lại có thể hòa hợp. Ví dụ như, theo Nguyễn Viết Thảo, chủ nghĩa thi văn và chủ nghĩa hình tượng ở Pháp năm 1880. Hoặc có những phong cách sáng tác được coi là hoàn toàn tiêu cực ở phương Tây, nhưng lại có vai trò nhất định ở đây. Ví dụ, chủ nghĩa trừu tượng đầu thế kỷ XX.

### ***3- Vấn đề phân chia giai đoạn văn chương***

Hiện tồn tại những quan niệm khác nhau trong việc phân chia các giai đoạn văn chương ở Mỹ Latinh. Những năm 60, một sử gia văn học nổi tiếng là Fratz Fanôn có quan điểm chia lịch sử của văn chương các nước thuộc địa châu Phi làm 3 giai đoạn lớn: văn chương nô dịch; tiếp cận giữa văn chương và dân tộc; văn chương chống thực dân. Một vài học giả cho rằng, hoàn cảnh ở hai châu lục giống nhau (đều thuộc địa), nên áp dụng máy móc vào châu Mỹ Latinh. Xin lưu ý, hoàn cảnh hai nơi này hoàn toàn khác nhau. Ở châu Phi, vào buổi đầu, văn chương hoàn toàn độc lập, kiên quyết chống lại mọi quan hệ văn hóa với kẻ thù, thì ở châu Mỹ Latinh, như ta đã luận giải, lại khác hẳn. Quan niệm của Đoàn Đình Ca lại chia thành 3 thời kỳ: thời kỳ chinh phục và thuộc địa; thời kỳ đấu tranh giành độc lập; và thời kỳ độc lập.

Giáo trình này theo quan niệm của nhà thơ, nhà nghiên cứu Cuba Rôbertô Fernadez Rêtaamar, chia làm 3 giai đoạn văn chương.

+ ***Giai đoạn I:*** Giai đoạn lệ thuộc – chủ yếu lệ thuộc Tây Ban Nha. Mốc chấm dứt vào năm 1878, khi phong trào cách mạng tư sản và giải phóng dân tộc đã cơ bản kết thúc trên khắp các thuộc địa Tây Ban Nha – Bồ Đào Nha, khi hai nước này bắt đầu thời kỳ suy vong trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa...

+ ***Giai đoạn II:*** Giai đoạn quốc tế hóa văn chương, nghệ thuật Mỹ Latinh.

Tiền đề lịch sử là vào 1878, vương triều Tây Ban Nha chỉ còn trong tay hai thuộc địa Mỹ Latinh là Cuba và Poócô Ricô. Vàng bạc, châu báu, của cải không chảy về Madrid nữa. Đội thương thuyền Tây Ban Nha luôn bị quân cướp biển Anh tấn công. Những yếu tố này cộng với sự lạc hậu trong quan hệ sản xuất đã đẩy Tây Ban Nha vào sự suy thoái đáng kể so với Anh, Pháp, Hà Lan và nhất là Mỹ, dồn văn chương, nghệ thuật Tây Ban Nha vào sự bế tắc chưa từng có.



Thêm nữa, từ thập kỷ 80 thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc bành trướng lãnh thổ để tìm sức lao động rẻ mạt và thị trường tiêu thụ tư bản của Anh, Pháp... nhất là Mỹ ở Mỹ Latinh. Đây là cơ hội hiếm có để giao lưu văn hóa Đông – Tây.

Văn nghệ sĩ Mỹ Latinh trước sự bế tắc của văn chương, nghệ thuật Tây Ban Nha đã hướng sự chú ý của mình tới London, Paris, Washington, New York... tạo ra bộ mặt mới của văn chương Mỹ Latinh, nhất là về phương diện hình thức. Các khuynh hướng, trào lưu tượng trưng, lãng mạn, trừu tượng, ấn tượng, tự nhiên, hình thức... với những tên tuổi lớn Veclen, Flôbe, Bairơn, Mactiễn... đều có mặt ở Mỹ Latinh, ngay từ những thập kỷ cuối của thế kỷ XIX.

Đây là giai đoạn sặc sỡ nhất, nhưng tất cả đều vay mượn, được chấm dứt với tên tuổi của José Martí và Ruben Dario khi nó có linh hồn và bộ mặt riêng, thanh toán được ảnh hưởng ngoại lai.

+ **Giai đoạn III:** Giai đoạn trưởng thành và phát đạt (Giai đoạn văn chương độc lập). Nó được bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, bùng nổ mạnh mẽ ở thế kỷ XX, mà người khởi xướng đầu tiên là José Martí với phong trào “Moderniste”.

## **II/ Lược sử văn chương Mỹ Latinh**

Năm 1492 là năm có ý nghĩa to lớn đối với châu lục này: C. Côlông (1451 - 1506), nhà thám hiểm Tây Ban Nha đã phát hiện ra nó. Đây cũng là cột mốc quan trọng về văn chương.

### **A/ Văn chương Mỹ Latinh trước thế kỷ XV**

Đó là văn chương của người bản địa, Da đỏ (Anh điêng hay Indiô).

C. Côlông đã phát hiện ra một miền đất rộng lớn, trù phú lại có nền văn minh cổ kính mà nhân loại chưa hề biết đến. Chẳng là người Indiô đã sống rải rác từ ven biển Vịnh Mêhicô tới những hòn đảo nhỏ thuộc quần đảo Anti, đến những thung lũng rộng rãi ở dãy núi Andes ở phía Nam (chừng hàng chục triệu người) với hàng trăm chủng tộc, 125 gia đình ngôn ngữ và hàng trăm tiếng nói khác nhau. Có dân tộc đến hàng chục vạn người (như Kichê và Kêchoa ở Pêru và Goatêmala), lại có dân tộc vãn vãn chừng dăm chục người (như Tapiít, Curucanêva ở Bôlivia).

Người Indiô nhìn chung còn ở trong tình trạng lạc hậu, một số sống trong cảnh hoang dã. Tuy nhiên, phần lớn họ đã biết trồng trọt, săn bắn, đánh cá để sinh sống, làm nhà để ở và dệt vải để may quần áo. Một số khu vực đã đạt tới trình độ văn minh khá cao: những công trình kiến trúc khá đồ sộ (đền đài, nhà cửa, cầu

cổng...), phát triển kỹ nghệ đồ gốm và kim loại, đặt lịch để tính ngày tháng, rồi biết làm giấy và có chữ viết...

Đã tồn tại ba nền văn minh tiêu biểu ở đây:

(1) Aztêca (Trung và Nam Mêhicô).

(2) Maya (Cực Nam Mêhicô và các nước Goatêmala, Hônđurát, En Sanvađo).

(3) Inca (thuộc Pêru, Êcuado, Bôlivia và một phần Côlômbia, Chilê và Achentina).

Văn chương Mỹ Latinh trước Cômôn còn rất sơ sài, do truyền miệng nên thất lạc nhiều. Một số tác phẩm viết bằng thổ ngữ của người Indiô có giá trị như “Rabinal Achi”. Đây là vở bi kịch của người Kichê, phản ánh các cuộc chiến tranh liên miên giữa những người Indiô ở Nam Mỹ. Hay như “Lịch sử của những người Cakchiqueles” (một bộ lạc ở Goatêmala) và “Chilambalam” (viết bằng tiếng Ucatêcô) nói về bùa phép, mê tín của người xưa...

Nổi tiếng nhất là “Popol Vuh” (Pôpôn Vút) của người Kichê nói về nguồn gốc của loài người và thế giới. Tác phẩm này được coi là anh hùng ca cổ đại của Mỹ Latinh. Tương truyền, một người Kichê vô danh đã ghi lại bằng mẫu tự Latinh khoảng giữa thế kỷ 16. Cuối thế kỷ ấy, một tu sĩ Đôminica thấy bản viết tay đã dịch ra tiếng Tây Ban Nha. Năm 1816, tác phẩm được công bố lần đầu tiên bằng tiếng Pháp. “Popol Vuh” (tiếng Kichê có nghĩa là sách của dân tộc) gồm 4 phần:

(1) Thần thoại về sáng tạo của vũ trụ: Kể lại từ khi thế giới còn là cõi hư vô, đến khi có sông núi, đất đai, muông thú, cây cỏ... Người đàn ông và đàn bà Kichê ra đời là do công lao của hai vị thần sáng tạo.

(2) Là sự tích của hai người anh hùng bộ lạc do thông minh và dũng cảm lại được thần linh và muôn sinh phù trợ đã giết thù trong thắng giặc ngoài, dạy dân trồng trọt, mang lại hòa bình, ấm no, hạnh phúc cho con người.

(3) Các truyền thuyết về lịch sử người Kichê: Các cuộc di dân, xung đột bên trong và quan hệ với các bộ lạc bên ngoài.

(4) Viết lịch sử của bộ lạc Kichê vào thời kỳ tiếp cận với niên đại tác phẩm ra đời (những lời tiên tri, biểu thế hệ dòng họ quý tộc...)

Tác phẩm được viết bằng văn xuôi có nhịp điệu, với các thủ pháp nghệ thuật như đối ngẫu, trùng lặp, lấy âm...